

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH SỬ DỤNG HỆ THỐNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN (LMS) CỦA HỌC VIÊN CAO HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● ĐÀO THỊ THANH PHÚC - NGUYỄN VĂN THANH TRƯỜNG

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống học tập trực tuyến (LMS - Learning management system) của học viên cao học tại các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các lý thuyết nền và các nghiên cứu có liên quan, trên cơ sở tham khảo ý kiến các học viên cao học, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu và thực hiện khảo sát các học viên cao học, với 313 học viên đang học cao học tại các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 yếu tố tác động đến ý định sử dụng LMS của học viên cao học, bao gồm: Năng lực bản thân; Tự nghiên cứu; Động lực học tập; Chuẩn chủ quan; Tài chính; Tính hữu ích. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị để nâng cao chất lượng đào tạo cho học viên cao học.

Từ khóa: hệ thống học tập trực tuyến (LMS), năng lực bản thân, tự nghiên cứu, động lực học tập, chuẩn chủ quan, tài chính, tính hữu ích.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, hình thức dạy học trực tuyến là phương thức học tập tối ưu và đạt hiệu quả khá cao trong việc đào tạo được nhiều trường đại học áp dụng triển khai. Dạy học trực tuyến đang là xu hướng của thời đại khi mà tất cả các trường đại học đều đang áp dụng bởi tính ưu việt và nhiều lợi ích mà nó mang lại như: linh hoạt, tiết kiệm chi phí, dễ tiếp cận, nội dung đa dạng, toàn cầu hóa,

đáp ứng được nhu cầu học đa dạng của tất cả các học viên (Salas-Pilco và cộng sự, 2022). Ở Việt Nam hiện nay, sau thời gian ứng phó với đại dịch Covid-19, hầu hết các trường đều triển khai đào tạo học tập trực tuyến mà trong đó hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) dựa trên tảng Moodle là nền tảng được sử dụng rộng rãi. Ngoài nhiệm vụ hỗ trợ sắp xếp, tổ chức, và quản lý khóa đào tạo, LMS còn có các chức năng mở rộng nhằm

hướng dẫn khai thác thông tin và quản lý thông tin cá nhân cho giảng viên và người học (Despotović-Zrakić và cộng sự, 2012).

Việc nghiên cứu hình thức học tập trực tuyến là cơ sở để hệ đào tạo sau đại học tại các cơ sở giáo dục hoạch định chiến lược, đảm bảo các yếu tố giúp nhà trường thay đổi kịp thời, đáp ứng nhu cầu của xã hội và học viên. Ngoài đào tạo đại học, nhiều đơn vị đào tạo đã triển khai đồng bộ việc dạy và học trực tuyến đối với bậc cao học. Do đó, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống học trực tuyến (LMS) của học viên cao học tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng sử dụng hệ thống học trực tuyến của học viên cao học là một vấn đề mới cần được quan tâm, đánh giá với mục đích tìm ra các nguyên nhân tác động và một số hàm ý quản trị nhằm đáp ứng các nhu cầu học tập của học viên cao học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở lý thuyết

Hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management Systems) là một hệ thống dựa trên hệ thống máy chủ có chức năng quản lý, vận hành hệ thống tài liệu, theo dõi, hướng dẫn, báo cáo và cung cấp các vấn đề học tập trong hệ thống đào tạo trực tuyến. Theo nghĩa tổng quát, hệ thống quản lý học tập LMS đã tạo ra một không gian hoàn toàn mới cho phép trao đổi và chia sẻ thông tin trong suốt quá trình đào tạo (Veluvali và Suriseti, 2022).

Chuẩn chủ quan được định nghĩa là nhận thức của những người xung quanh đại diện cho áp lực mà một cá nhân cảm nhận từ người khác về việc cho rằng cá nhân đó nên hay không nên thực hiện hành vi trong một tình huống (Ajzen, 1991). Các chuẩn mực chủ quan ảnh hưởng đến ý định sử dụng một hệ thống, cho dù người đó có thích làm việc đó hay không. Chuẩn mực chủ quan có ảnh hưởng đáng kể đến ý định hành vi (Taylor & Todd, 1995). Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H1:

H1: Chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

Năng lực bản thân đề cập đến sự đánh giá về

khả năng triển khai các kỹ năng trong việc sử dụng bất kỳ công cụ máy tính nào, thành thạo các kỹ năng này (Compeau và Higgins, 1995). Và điều quan trọng là các cá nhân phải có một trình độ kỹ thuật nhất định, kỹ năng máy tính trước khi tham gia các khóa học trực tuyến (Chyung, 2007). Do đó, giả thuyết H2 được đề xuất:

H2: Năng lực bản thân có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

Tự nghiên cứu được coi là một quá trình học tập, trong đó người học chủ yếu dựa vào kế hoạch và mục tiêu đã đề ra trước đó. Một số ý kiến khác lại cho rằng việc tự học, tự nghiên cứu đòi hỏi sự tự chủ và tự định hướng học tập đáng kể, sinh viên học trực tuyến phải có trách nhiệm lớn trong việc quản lý và theo dõi tiến trình học tập của mình (Moore và Kearsley, 2005). Hơn nữa, phương pháp học tập tự định hướng đã được nhiều nhà nghiên cứu áp dụng như một khung lý thuyết, thực hành để hiểu được sự thành công của sinh viên trong môi trường học trực tuyến (Lynch và Dembo, 2004). Giả thuyết H3 được đề xuất:

H3: Tự nghiên cứu có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

Động lực học tập được xác định là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc học tập (Ryan và Deci, 2000). Động lực học tập được coi như một thuộc tính tâm lý khuyến khích học sinh, sinh viên, học viên tham gia tích cực việc học. Động lực là yếu tố then chốt trong việc duy trì sự hài lòng của người học trong môi trường học tập trực tuyến (Bolliger và cộng sự, 2010). Do đó, giả thuyết H4 được đề xuất:

H4: Động lực học tập có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

Tài chính mà học viên cần có để có thể tham gia các khóa học trực tuyến đã trở thành một yếu tố cần được quan tâm. Theo Tello (2004), tiền là một yếu tố quan trọng cản trở nhiều sinh viên không tham gia các khóa học từ xa. Tello (2004) nhấn mạnh, để khuyến khích học viên tham gia vào việc học trực tuyến, tình hình tài chính của họ cần được cải thiện. Nghiên cứu đề xuất giả thuyết H5:

H5: Tài chính có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

Tính hữu ích được định nghĩa là mức độ mà một người tin việc sử dụng một hệ thống cụ thể sẽ nâng cao hiệu suất làm việc của họ (Khoa và cộng sự, 2020). Là một phần của nghiên cứu này, tính hữu ích được cảm nhận biểu thị những lợi ích thu được từ việc sử dụng e-learning như tiết kiệm thời gian và tiền bạc. Một số tác giả đã chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa sự sẵn sàng sử dụng công nghệ và tính hữu ích được cảm nhận (Altawalbeh, 2023). Giả thuyết H6 được đề xuất:

H6: Tính hữu ích có tác động tích cực đến ý định học trực tuyến của học viên cao học.

3. Mô hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Căn cứ vào các lý thuyết nền và các nghiên cứu có liên quan, trên cơ sở tham khảo ý kiến các học viên cao học, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1:

Các yếu tố được quy ước như sau:

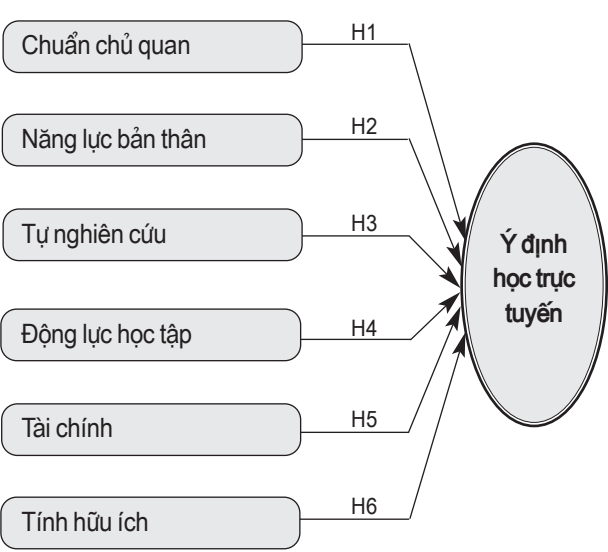
- Chuẩn chủ quan: CCQ
- Năng lực bản thân: NLBT
- Tự nghiên cứu: TNC
- Động lực học tập: DL
- Tài chính: TC
- Tính hữu ích: THI

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chính thức được tiến hành bằng cách khảo sát trực tiếp các học viên đang học cao học tại các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bảng câu hỏi được khảo sát trực tiếp. Từ đó, xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định sử dụng hệ thống học trực tuyến của học viên cao học tại các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật phân tích độ tin cậy bằng Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá thang đo và phân tích hồi quy để kiểm định mô hình nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu.

Mẫu được thu thập theo phương pháp xác suất bằng cách lấy mẫu ngẫu nhiên theo hình thức phát

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Bảng 1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ Lệ (%)
Giới tính	Nam	162	51.8
	Nữ	151	48.2
Tuổi	Từ 21-25 tuổi	76	24.3
	Từ 26-30 tuổi	72	23.0
	Từ 31-35 tuổi	61	19.5
	Từ 36-40 tuổi	51	16.3
	> 40 tuổi	53	16.9
Trình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	143	45.7
	Độc thân	170	54.3
Công việc hiện tại	Toàn thời gian	146	46.6
	Bán thời gian	167	53.4

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu, 2023

phiếu khảo sát trực tiếp cho học viên cao học. Tổng số 350 bảng câu hỏi được phát ra, số bảng câu hỏi thu về hợp lệ 313 bảng hợp lệ, đảm bảo điều kiện kích thước mẫu, thời gian thu thập mẫu khoảng từ tháng 12/2022 đến tháng 4/2023. Đặc điểm của đáp viên được mô tả ở Bảng 1. Sau đó, nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để phân tích dữ liệu thống

Bảng 2. Phân tích độ tin cậy thang đo

Các yếu tố	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha	Hệ số tải nhân tố	KMO, Kiểm định Bartlett, Eigenvalues, Tổng phương trích
Tài chính	TC1	0,819	0,927	0,898	KMO = 0,707; Sig. = 0,000; Eigenvalues = 1,421; Tổng phương sai trích = 78.266%
	TC2	0,859		0,927	
	TC3	0,877		0,946	
Năng lực bản thân	NLBT1	0,545	0,777	0,758	
	NLBT2	0,678		0,828	
	NLBT3	0,625		0,83	
Động lực học tập	DL1	0,790	0,912	0,881	
	DL2	0,827		0,893	
	DL3	0,860		0,907	
Tự nghiên cứu	TNC1	0,600	0,855	0,759	
	TNC2	0,647		0,771	
	TNC3	0,728		0,804	
	TNC4	0,646		0,753	
	TNC5	0,748		0,848	
Chuẩn chủ quan	CCQ1	0,762	0,864	0,889	
	CCQ2	0,768		0,873	
	CCQ3	0,694		0,832	
Tính hữu ích	THI1	0,816	0,932	0,892	
	THI2	0,757		0,854	
	THI3	0,819		0,899	
	THI4	0,985		0,987	
Ý định sử dụng	YD1	0,495	0,819	0,709	KMO = 0,546; Sig. = 0,000; Eigenvalues = 2,701; T ổng phương sai trích = 67,521%
	YD2	0,742		0,880	
	YD3	0,471		0,694	
	YD4	0,933		0,971	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu, 2023

kê. Tất cả các biến quan sát được đo bằng thang đo Likert với 5 mức độ (1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Bình thường; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý).

4. Kết quả nghiên cứu

Theo Bảng 2, tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha tổng đều lớn hơn 0,7 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Đồng thời, các thang đo đều đạt được giá trị phân biệt khi phân tích nhân tố khám phá.

đến ý định sử dụng hệ thống học tập trực tuyến (LMS) của học viên cao học ở các trường tại TP. Hồ Chí Minh, cùng với mức độ quan trọng của chúng sẽ là cơ sở để các nhà hoạch định, các cán bộ quản lý tại các trường đại học đề ra các chính sách phát triển chương trình học tập trực tuyến.

Thứ nhất, năng lực bản thân là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định sử dụng hệ thống học trực tuyến (LMS) của học viên cao học. Đối với yếu tố này, các nhà quản lý giáo dục tại các trường đại

Bảng 3. Kết quả hồi quy tuyến tính bội

	Hệ số B	Hệ số Beta chuẩn hóa	Giá trị sig.	VIF
(Hằng số)	0,283		0,055	
TC	0,083	0,165	0,000	1,077
NLBT	0,286	0,420	0,000	1,218
DL	0,139	0,234	0,000	1,238
TNC	0,187	0,264	0,000	1,140
CCQ	0,105	0,177	0,000	1,139
THI	0,054	0,106	0,003	1,063
R ² hiệu chỉnh = 0,624, Durbin-Watson = 1,415, sig.F Test = 0,000				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu, 2023

Kết quả phân tích hồi quy tại Bảng 3 cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống học trực tuyến (LMS) của học viên cao học ở các trường tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm 6 yếu tố được mô tả theo phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$YD = 0,420 * NLBT + 0,264 * TNC + 0,234 * DL + 0,177 * CCQ + 0,165 * TC + 0,106 * THI$$

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã tổng kết các lý thuyết và các nghiên cứu về ý định sử dụng, đưa ra mô hình nghiên cứu bao gồm 6 yếu tố: chuẩn chủ quan, năng lực bản thân, tự nghiên cứu, động lực học tập, tài chính, tính hữu ích.

5.2. Hàm ý quản trị

Thứ nhất, việc xác định các yếu tố ảnh hưởng

học có thể đào tạo cho học viên về các kỹ năng sử dụng máy tính để thao tác trên hệ thống LMS của trường. Vì lẽ đó, các trường đại học có thể áp dụng một số môn học lý thuyết để các học viên cao học thử nghiệm học tập trên nền tảng LMS và để xem xét mức độ hài lòng và khả năng đáp ứng trước khi triển khai học tập trực tuyến toàn diện.

Thứ hai, tự nghiên cứu được coi là yếu tố tác động mạnh đến ý định sử dụng hệ thống học tập trực tuyến (LMS) của học viên cao học. Đối với yếu tố này, các nhà quản lý giáo dục nên tổ chức nhiều buổi định hướng cho các học viên biết rõ vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu ở bậc cao học để họ tự đặt ra mục tiêu của mình và phấn đấu trong suốt quá trình học tập. Hơn thế nữa, nhà trường cũng cần có các môn học về kỹ năng mềm để học viên có thể tự chủ động học tập.

Thứ ba, động lực học tập là yếu tố khá quan trọng tác động đến ý định sử dụng hệ thống học tập trực tuyến (LMS) của học viên cao học.

Thứ tư, về yếu tố chuẩn chủ quan, các nhà quản lý giáo dục nên truyền thông rộng rãi cho sinh viên đại học và học viên cao học về các tiện ích của LMS để học viên hiểu rõ và sẵn sàng sử dụng LMS

phục vụ học tập. Các giảng viên đứng lớp cũng cần tích cực hướng dẫn sinh viên và tạo nhiều game học tập trên LMS trong lúc giảng bài để thu hút học viên và khuyến khích học viên cao học dùng LMS phục vụ học tập. Từ các giải pháp trên sẽ thúc đẩy các học viên cao học có ý định đi đến quyết định sử dụng hệ thống học tập trực tuyến LMS ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Altawalbeh, M. A. (2023). Adoption of academic staff to use the Learning Management System (LMS): Applying Extended Technology Acceptance Model (TAM2) for Jordanian universities. *International Journal on Studies in Education (IJonSE)*, 5(3), 288-300.
2. Ajze, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
3. Bolliger, D. U., Supanakorn, S., & Boggs, C. (2010). Impact of podcasting on student motivation in the online learning environment. *Computers & Education*, 55(2), 714-722.
4. Chung, S. Y. Y. (2007). Age and gender differences in online behavior, self-efficacy, and academic performance. *Quarterly Review of Distance Education*, 8(3), 213-222.
5. Compeau, D. R., & Higgins, C. A. (1995). Computer self-efficacy: Development of a measure and initial test. *MIS quarterly*, 19(2), 189-211.
6. Despotović-Zrakić, M., Marković, A., Bogdanović, Z., Barać, D., & Krčo, S. (2012). Providing adaptivity in Moodle LMS courses. *Journal of Educational Technology & Society*, 15(1), 326-338.
7. Khoa, B. T., Ha, N. M., Nguyen, T. V. H., & Bich, N. H. (2020). Lecturers' adoption to use the online Learning Management System (LMS): Empirical evidence from TAM2 model for Vietnam. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Economics and Business Administration*, 10(1), 3-17.
8. Lynch, R., & Dembo, M. (2004). The relationship between self-regulation and online learning in a blended learning context. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 5(2), 1-16.
9. Moore, M. G., & Kearsley, G. (2005). *Distance education: A systems view (2nd ed.)*. Belmont, CA: Wadsworth Publishing Co.
10. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Intrinsic and extrinsic motivations: Classic definitions and new directions. *Contemporary educational psychology*, 25(1), 54-67.
11. Salas-Pilco, S. Z., Yang, Y., & Zhang, Z. (2022). Student engagement in online learning in Latin American higher education during the COVID-19 pandemic: A systematic review. *British Journal of Educational Technology*, 53(3), 593-619.
12. Taylor, S., & Todd, P. (1995). Assessing IT usage: The role of prior experience. *MIS Quarterly*, 19(4), 561-570.
13. Tello, S. F. (2008). An analysis of student persistence in online education. In *Information communication technologies: Concepts, methodologies, tools, and applications* (pp. 1163-1178). IGI Global.
14. Veluvali, P., & Suriseti, J. (2022). Learning management system for greater learner engagement in higher education-A review. *Higher Education for the Future*, 9(1), 107-121.

Ngày nhận bài: 15/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/6/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/6/2023

Thông tin tác giả:

1. ĐÀO THỊ THANH PHÚC¹

2. TS. NGUYỄN VĂN THANH TRƯỜNG¹

¹Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

**FACTORS AFFECTING THE INTENTION
OF MASTER'S STUDENTS IN HO CHI MINH CITY TO UTILIZE
THE LEARNING MANAGEMENT SYSTEM (LMS)**

● **DAO THI THANH PHUC¹**

● **Ph.D NGUYEN VAN THANH TRUONG¹**

¹Industrial University of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This study examines the factors influencing the intention of master's students in Ho Chi Minh City to utilize the Learning Management System (LMS). Based on relevant background theories, previous studies and opinions from master's students, the study proposes a research model and surveys 313 master's students from different universities in Ho Chi Minh City. The study finds that there are six key factors affecting the intention of master's students to use the LMS. These factors are: self-efficacy, self-directed learning, learning motivation, subjective norm, financial considerations, and perceived usefulness. Based on the study's findings, some managerial implications are presented in order to improve the training quality.

Keywords: the Learning Management System (LMS), self-efficacy, self-directed learning, learning motivation, subjective norm, finance, perceived usefulness.